

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-ST  
Ngày: 08/7/2022  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng  
và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Ngọc Điệp.

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST – DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N; trụ sở: số 198 T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

- Ông Lê Duy B, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch V thuộc Ngân hàng TMCP N - chi nhánh B; có mặt.

- Ông Phạm Nhật P, chức vụ: Phó trưởng phòng giao dịch V thuộc Ngân hàng TMCP N - chi nhánh B; vắng mặt.

Ông B và ông P là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền 30/11/2020).

**2. Bị đơn:**

- Ông Bùi Tấn P, sinh năm 1971; Trú tại: số 18/17, ấp 2, phường T, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; vắng mặt khi xét xử, có mặt khi tuyên án (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- Bà Cao Thị Tuyết L, sinh năm 1977; HKTT: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh; Trú tại: số 18/17, ấp 2, phường T, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/202, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần N- Chi nhánh B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L dưới hình thức cho vay theo hợp đồng cho vay và phát hành thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng của khách hàng (thẻ tín dụng Vietcombank Visa và Vietcombank Amex), cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần số 216D19/BDS1864/VSIP ngày 11/12/2019, chi tiết như sau: trị giá 600.000.000 đồng; thời hạn vay: 180 tháng, mục đích vay: tiêu dùng. Thời hạn trả nợ gốc là 180 tháng. Nợ gốc thanh toán trong 180 kỳ, 01 tháng/01 kỳ. Từ kỳ 01 đến kỳ 179 trả 3.330.000 đồng/kỳ, kỳ thứ 180 trả 3.930.000 đồng/kỳ.

- Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng Vietcombank Visa và Amex, tên chủ thẻ chính: Bùi Tấn P, hạn mức thẻ tín dụng: 20.000.000 đồng, thời hạn: tháng 12/2019 – tháng 12/2024, lãi suất cho vay: thay đổi theo thông báo của Ngân hàng ghi trong sao kê.

- Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông Bùi Tấn Phong đã thế chấp tài sản như sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 028547 Sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H51560 do Ủy ban nhân dân thị xã Thủ Dầu Một (nay là thành phố Thủ Dầu Một), tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/6/2009 cho ông Bùi Tấn P. Hợp đồng thế chấp được ký công chứng vào ngày 11/12/2019 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Gái.

Thực hiện hợp đồng vay, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L số tiền 600.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông P và bà L đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo quy định trong hợp đồng tín dụng về việc trả nợ vay mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu. Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L phải trả các khoản tiền sau:

- Nợ gốc: 592.569.999 đồng

- Nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 07/7/2022) là 890 ngày: 150.039.921 đồng.

- Số tiền phạt gốc quá hạn (tính đến ngày 07/7/2022) 5.198.564 đồng.

Tổng số tiền 747.804.484 đồng (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng).

Ngoài ra, ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 07/7/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số 216D19/BDS1864/VSIP ngày 11/12/2019 và Giấy chứng nhận phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng.

Trong trường hợp ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Bùi Tấn P theo Hợp đồng thế chấp số 216TT19/VSIP ngày 11/12/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chi phí phát hành thẻ tín dụng Vietcombank: 699.986 đồng do ông P không sử dụng dịch vụ này.

*Bị đơn ông Bùi Tấn P trình bày:*

Ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79 ngày 22/9/1999). Bà L sinh sống cùng ông P tại địa chỉ 18/17, khu 2, phường T, thành phố T1, tỉnh Bình Dương nhưng do bận việc không đến Tòa án làm việc được. Ngày 11/12/2019, ông P và bà L ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần N- Chi nhánh Bình Dương hợp đồng tín dụng số 216D19/BDS1864/VSIP ngày 11/12/2019: số tiền vay 600.000.000 đồng, thời hạn thanh toán 180 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông Bùi Tấn P đã thế chấp tài sản như sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 028547 Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H51560 do UBND thị xã Thủ Dầu Một (nay là thành phố Thủ Dầu Một), tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/6/2009 cho ông Bùi Tấn P. Hợp đồng thế chấp được ký công chứng vào ngày 11/12/2019 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Gái.

Thực hiện hợp đồng, ông P và bà L đã nhận được 600.000.000 đồng từ Ngân hàng. Tuy nhiên, do làm ăn gặp khó khăn nên ông P và bà L không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán như hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông P ý kiến:

- Đồng ý thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng 216D19/BDS1864/VSIP ngày 11/12/2019 đã ký kết. Tuy nhiên, do kinh tế khó khăn ông P không trả ngay được mà xin thời gian bán nhà để trả nợ.

- Trường hợp không có khả năng thanh toán, ông P và bà L đồng ý giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp 216TT19/VSIP ngày 11/12/2019.

Ông Phong vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Cao Thị Tuyết L được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà L.

Ý kiến đại diện viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn ông Phong chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Loan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất với ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L. Bị đơn ông P và bà L cùng cư trú tại số 18/17, khu 2, phường T, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (biên bản xác minh ngày 15/3/2021 tại Công an phường T) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn ông Bùi Tấn P vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Cao Thị Tuyết L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay từng lần số 216D19/BDS1864/VSIP ngày 11/12/2019, chi tiết như sau: trị giá hợp đồng: 600.000.000 đồng, thời hạn vay: 180 tháng, mục đích vay: tiêu dùng. Để bảo đảm khoản tiền vay, ông P có thể chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường T, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 028547 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H51560 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một cấp ngày 09/6/2009 cho ông Bùi Tấn P. Hợp đồng thể chấp được Phòng công chứng Nguyễn Thị Gái công chứng ngày 11/12/2019, số công chứng 15216 quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD. Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã giải ngân theo đúng nội dung trong hợp đồng tín dụng là 600.000.000 đồng. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì ông P trả nợ được 7.430.001 đồng. Do ông P và bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông P và bà L phải trả các khoản tiền sau:

- Nợ gốc: 592.569.999 đồng
- Nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 07/7/2022) là 890 ngày: 150.039.921 đồng.
- Số tiền phạt gốc quá hạn (tính đến ngày 07/7/2022): 5.198.564 đồng.

Tổng số tiền 747.804.484 đồng (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng).

Những nội dung trên nguyên đơn trình bày và được bị đơn ông P thừa nhận nên đây là sự thật không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà L không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp. Vì vậy, bị đơn bà L được coi là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Do bị đơn không thực nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên vi phạm thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc: 592.569.999 đồng; nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 07/7/2022) là 890 ngày: 150.039.921 đồng; tiền phạt gốc quá hạn (tính đến ngày 07/7/2022) 5.198.564 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp: Ngày 28 tháng 10 năm 2021, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ phần đất thế chấp tọa lạc tại phường T, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 028547 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H51560 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một cấp ngày

09/6/2009 cho ông Bùi Tấn P. Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ, không thấy phát sinh tài sản. Hiện trạng như hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Gái ngày 11/12/2019, số công chứng 15216 quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD.

Theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp về xử lý tài sản bảo đảm ghi nhận quyền xử lý tài sản thế chấp của bên cho vay trong trường hợp bên vay không trả được nợ. Bị đơn ông P đồng ý. Do đó, trường hợp ông P, bà L không trả được nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký thì của nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chi phí phát hành thẻ tín dụng Vietcombank là 699.986 đồng. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật và về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để hoàn trả lại cho nguyên đơn theo Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9,10,12 và Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; các Điều 3, 28 và 48 của Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về Đăng ký giao dịch bảo đảm.

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N đối với bị đơn ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất”

Buộc ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N các khoản tiền sau:

- Nợ gốc: 592.569.999 đồng (Năm trăm chín mươi hai triệu năm trăm sáu mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- Nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 07/7/2022): 150.039.921 đồng (Một trăm năm mươi triệu không trăm ba mươi chín nghìn chín trăm hai mươi một đồng).

- Số tiền phạt gốc quá hạn (tính đến ngày 07/7/2022): 5.198.564 đồng (Năm triệu một trăm chín mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng).

Tổng số tiền 747.804.484 đồng (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm lẻ bốn nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Trường hợp ông P và bà L không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là phần đất tọa lạc tại phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 028547 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H51560 do UBND thành phố Thủ Dầu Một cấp ngày 09/6/2009 cho ông Bùi Tấn P theo hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Gái ngày 11/12/2019, số công chứng 15216 quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N đối với chi phí phát hành thẻ tín dụng Vietcombank: 699.986 đồng.

4. Về chi phí xem xét thẩm tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) Ngân hàng Thương mại cổ phần N tạm ứng xong. Ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L phải nộp lại để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N

#### 5. Về án phí:

Buộc ông Bùi Tấn P và bà Cao Thị Tuyết L phải chịu 33.912.339 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền 14.895.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0051087 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn, bị đơn ông Bùi Tấn P có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, bị đơn bà L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ái Ngân**